

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 130/2024/DS-GĐT

Ngày: 06/6/2024

V/v: *Tranh chấp đòi tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Đức Xuân.

***Các Thẩm phán:*** Ông Nguyễn Xuân Thiện.  
Bà Huỳnh Thanh Duyên.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Xuân Luyến - Thẩm tra viên chính.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp đòi tài sản*”, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ. Địa chỉ: 66 N, Phường 19, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: 79/24D NX, Phường W, quận B, Thành phố H.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1964.

3.2. Bà Lê Hoàng V1, sinh năm 1997.

3.3. Bà Lê Gia L, sinh năm 1998.

3.4. Ông Nguyễn T1, sinh năm 1955.

3.5. Ông Nguyễn **L1**, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: 79/24D NX, Phường W, quận B, Thành phố H.

3.6. Ông Nguyễn **Q**, sinh năm 1967. Địa chỉ: 184/16C NX, Phường W, quận B, Thành phố H.

3.7. Bà Nguyễn Thị **V2**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Phòng A, lầu 14, chung cư SR -188 NX, Phường W, quận B, Thành phố H.

3.8. Bà Huỳnh Thị Minh **T2**;

3.9. Ông Nguyễn Ngọc **B1**;

3.10. Bà Huỳnh Thị **N1** (chết năm 2018).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị N1: Bà Huỳnh Thị Minh T2. Địa chỉ: 393/7 QB, Phường 28, quận B, Thành phố H.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 13/8/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Đ (có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Long **T3** và ông Nguyễn Minh **T4**) trình bày:*

Năm 1994, Công ty Quản lý và Phát triển nhà quận B, nay là Công ty TNHH Một thành viên (TNHH MTV) Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) tiến hành thỏa thuận bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng nằm trong ranh dự án Khu dân cư BĐ, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Thành phố H chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo Văn bản số 2106/UB-QLĐT ngày 10/5/1994 và Quyết định số 7460/KTST-QH ngày 22/11/1994 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố về việc quy hoạch chi tiết khu nhà ở BĐ.

Trong dự án có hộ bà Huỳnh Thị N1 và ngày 24/5/1994, Công ty đã thỏa thuận bồi thường cho bà Huỳnh Thị N1 phần diện tích nhà, đất 3.123m<sup>2</sup> với số tiền 848.798.660 đồng.

Năm 2000, bà Nguyễn Thị N lần chiếm phần đất do Công ty Đ đã bồi thường cho bà N1 và đã san lấp xong mặt bằng với diện tích 731,3m<sup>2</sup>.

Công ty khởi kiện yêu cầu bà N trả lại cho Công ty phần diện tích đất chiếm dụng là 731,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 72,73,74,75, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính Phường W, quận B (theo tài liệu 299/TTg) tương ứng với vị trí số 5, 6, 7, 8, 10, 15, 17,25,26,27, 28,29, 30, 31, 38, 40, 41,42,43 theo Bản vẽ số hợp đồng 106372/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 24/02/2010 và Bản vẽ số 007/ĐĐBĐ-VPTT do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Đo đạc TC lập ngày 08/6/2015.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Năm 1977, Sở Nông nghiệp Thành phố H cấp cho ông Hoàng Quốc L2 và ông Lê Văn K 01 miếng đất thuộc bằng khoán 1239, diện tích 3.440m<sup>2</sup>. Năm 1989, ông L2 chuyển nhượng cho bà một phần với diện tích 1.805m<sup>2</sup>, bà đã làm nhà trên đó.

Năm 1992, bà bán cho bà N1 một phần đất không ghi rõ diện tích, cho đến nay bà có bán cho một số anh chị em trong nhà gồm ông Nguyễn T1, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị V2.

Việc Công ty đền bù cho bà Huỳnh Thị N1 là sai vì Công ty chưa hề tiếp xúc với những người có liên quan thực tế sử dụng đất, tự giao dịch với bà Huỳnh Thị N1. Riêng việc chuyển nhượng đất giữa bà N và bà N1 tuy có xảy ra, nhưng chỉ mới là thỏa thuận ban đầu, chưa nêu giá trị chuyển nhượng và diện tích chuyển nhượng cụ thể. Về giấy sang nhượng đất giữa ông L2 và bà N1 thì bà N không biết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Ông Lê Hoàng T, ông Nguyễn T1, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn Q trình bày:* Công ty Đ không có chứng cứ chứng minh hiện trạng vị trí đất mà ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng của Công ty.

*Bà Nguyễn Thị V2 trình bày:* Bà không liên quan trong vụ kiện này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1778/2019/DS-ST ngày 10/10/2019, Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H quyết định (*tóm tắt*):

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ đòi bà N trả lại cho Công ty phần diện tích đất chiếm dụng là 731,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 72,73,74,75, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính Phường W, quận B (theo tài liệu 299/TTg) tương ứng với vị trí số 5, 6, 7, 8, 10, 15, 17 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 38, 40, 41, 42, 43 theo Bản vẽ số hợp đồng 106372/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 24/02/2010 và Bản vẽ số 007/ĐĐBĐ-VPTT do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Đo đạc TC lập ngày 08/6/2015.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 16/10/2019, Công ty Đ kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020, Tòa án nhân dân Thành phố H quyết định (*tóm tắt*):

*Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1778/2019/DS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 07/12/2022, Công ty Đ có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Tại Quyết định số 15/2024/KN-DS ngày 16/4/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 1778/2019/DS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

#### **[1.] Về Tố tụng:**

[1.1] Ngày 30/9/2020, Công ty Đ có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[1.2] Ngày 21/9/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 222/QĐKNGĐT-VKS-DS, kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[1.3] Ngày 21/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 08/QĐ-VKS-DS về việc rút toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 222/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 21/9/2021. Ngày 28/11/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 298/2022/DS-GĐT về việc đình chỉ xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự.

[1.4] Ngày 07/12/2022, Công ty Đ tiếp tục có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H. Do đó, đơn đề nghị giám đốc thẩm của Công ty Đ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Tại Quyết định số 2106/UB-QLĐT ngày 10/5/1994 của UBND Thành phố H về việc chấp thuận giao đất xây dựng nhà ở phục vụ chương trình nhà ở trên và ven kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, có nội dung: “... 1/ *Chấp thuận cho Ủy ban nhân dân quận B được sử dụng 5ha đất tại đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường W, quận B để xây dựng nhà và di chuyển nhà trên và ven kênh Nhiêu Lộc- Thị Nghè thuộc địa bàn quận B. 2/ Giao Kiến trúc sư trưởng Thành phố, Sở Xây dựng duyệt thiết kế, kiến trúc và cấp phép xây dựng khu nhà ở; Ban quản lý đất đai lập thủ tục để trình cấp có thẩm quyền cấp đất xây dựng cho Ủy ban nhân dân quận B (miễn nộp lệ phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất... ”.*

Ngày 22/11/1994, Kiến trúc sư trưởng Thành phố ban hành Quyết định số 7460/KTS.T.QH về việc duyệt quy hoạch chi tiết khu nhà ở BD, Phường W, quận B.

[2.2] Tại Thông báo số 91/CV.97 ngày 12/4/1997 của UBND quận B về việc ủy nhiệm cho Công ty Quản lý và Phát triển nhà quy hoạch và đầu tư xây dựng tại khu Quy hoạch BD, Phường W, quận B, có nội dung: “...*Nay ủy nhiệm cho Công ty Quản lý và Phát triển nhà quận B được phép quy hoạch và đầu tư xây dựng nhà ở chung cư theo quy hoạch được Kiến trúc sư Trưởng Thành phố H phê duyệt số 7460/KTS.T.QH ngày 22/11/1994 tại đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường W, quận B...*”.

[2.3] Công ty Quản lý và Phát triển nhà quận B (nay là Công ty Đ) đã thực hiện việc bồi thường đất cho các hộ dân, trong đó có hộ bà Huỳnh Thị N1 được bồi thường diện tích đất 3.123m<sup>2</sup>. Bà N1 đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường và không có thắc mắc hay khiếu nại. Trong quá trình giải phóng mặt bằng thì bà Nguyễn Thị N tranh chấp cho rằng, trong phần đất của bà N1 có phần diện tích 731,3m<sup>2</sup> là của bà N nên bà N không đồng ý giao đất cho Công ty Đ.

[2.4] Năm 2008, Công ty Quản lý và Phát triển nhà quận B có đơn tranh chấp phần đất diện tích 731,3m<sup>2</sup> với bà Nguyễn Thị N. Ngày 26/4/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H có Báo cáo số 2413/BC-TNMT-TTS về việc giải quyết đơn tranh chấp đất của Công ty Phát triển nhà B, có nội dung kiến nghị như sau: “*Công nhận nội dung đơn của Công ty Phát triển nhà B tranh chấp với bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích 731,3m<sup>2</sup> tương ứng với vị trí số 5, 6, 7, 8, 10, 15, 17, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 38, 40, 41, 42, 43 theo Bản đồ số 106372/ĐĐBĐ-VPTT ngày 24/02/2010 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là đúng pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị N tháo dỡ kiến trúc trên phần đất lấn chiếm để trả lại cho Công ty Phát triển nhà B triển khai thực hiện dự án Khu dân cư BD. Kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định*”.

[2.5] Ngày 31/8/2010, Văn phòng UBND Thành phố H ban hành Công văn số 6360/VP-PCNC về việc truyền đạt ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch thường trực UBND Thành phố Nguyễn Thành Tài, với nội dung: “*Giao Sở Tư*

*pháp nghiên cứu, chủ trì làm việc với các cơ quan có liên quan để xem xét bản chất vụ việc liên quan đến phần đất 731,3m<sup>2</sup> Phường W, quận B là “tranh chấp” hay “khiếu nại”; xác định thẩm quyền giải quyết; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý theo đúng quy định pháp luật”.*

Ngày 13/10/2010, Sở Tư pháp đã chủ trì cuộc họp gồm đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận B, Công ty Phát triển nhà B. Đến ngày 19/10/2010, Sở Tư pháp có Văn bản báo cáo số 4034/STP-VB gửi UBND Thành phố và có kiến nghị như sau: *“Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Công ty khởi kiện ra Tòa để giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 136 Luật Đất đai”.*

Ngày 14/12/2010, UBND Thành phố H ban hành Văn bản số 6445/UBND-PCNC về việc giải quyết đơn tranh chấp đất giữa Công ty Phát triển nhà B và bà Nguyễn Thị N gửi Công ty Phát triển nhà B, có nội dung: *“...Thống nhất kiến nghị của Sở Tư pháp tại văn bản nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Công ty Phát triển nhà B khởi kiện tại Tòa án nhân dân để được giải quyết tranh chấp phần đất 731,3m<sup>2</sup> tại Phường W, quận B theo quy định tại Điều 136 Luật Đất đai”.*

[2.6] Ngày 30/12/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 445/CV-TT gửi Công ty Phát triển nhà B, có nội dung: *“...Sở Tài nguyên và Môi trường truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để Công ty Phát triển nhà B được biết và đề nghị nộp đơn tranh chấp tại Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 136 Luật Đất đai”.*

Ngày 13/8/2013, Công ty TNHH MTV Đ có đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân quận B thụ lý, giải quyết.

[2.7] Như vậy, UBND Thành phố H đã giao 5ha đất cho UBND quận B để xây dựng nhà. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không đưa UBND quận B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Mặt khác, Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng không có chứng cứ chứng minh việc UBND quận B ủy nhiệm cho Công ty Phát triển nhà B thực hiện công tác bồi thường là không đúng với Quyết định số 176/QĐ-UB ngày 09/8/1993 của UBND quận B về việc thành lập Ban quản lý các công trình xây dựng phục vụ việc giải tỏa nhà trên kênh rạch Thị Nghè, quận B. Do đó, có cơ sở xác định Công ty B thực hiện việc bồi thường giá trị đất cho bà N1 là đúng quy định và Công ty Đ có quyền khởi kiện tranh chấp đất với bà N.

[4] Về phần đất 731,3m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 72, 73, 74, 75, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính Phường W, quận B; hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 07/4/1992, bà Nguyễn Thị N chuyển nhượng diện tích 1.805m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 72, 73, 74, 75, tờ bản đồ số 1, Phường W, quận B cho bà Huỳnh

Thị N1. Hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của UBND Phường W, quận B ngày 07/4/1992. Do phần đất trên ông Hoàng Quốc L2 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận sở hữu ruộng đất nên ông L2 lập giấy tay chuyển nhượng trực tiếp cho bà N1, nhưng bà N là người nhận tiền chuyển nhượng (giấy tay nhận tiền của bà N lập ngày 07/4/1992, có nội dung: “Tôi Nguyễn Thị N; thường trú số: 234B Hoàng Hoa Thám, Phường 5, quận B có nhận của bà Huỳnh Thị N1; thường trú số: 10 Xô Viết Nghệ Tĩnh số vàng là 6 lượng 24K (sáu) về việc sang nhượng lô đất số 72, 73, 74, 75 theo bản đồ số 1, Phường W, quận B- Cạnh nhà số 10. Tôi đã nhận một lần và nhận đủ số tiền mua bán lô đất trên”).

[5] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ vì sao đất các bên đã chuyển nhượng nhưng phía gia đình bà N vẫn còn sử dụng căn nhà trên đất? chưa làm rõ phía Công ty có làm việc, trao đổi khi giải quyết bồi thường về đất đối với gia đình bà N là người đang trực tiếp sử dụng đất không? gia đình bà N có biết việc phía bà N1 nhận tiền bồi thường quyền sử dụng đất không? và phía Công ty có bồi thường phần căn nhà của bà N cho bà N1 không?

[6] Ngoài ra, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án còn thể hiện, vào ngày 18/9/2013, phía Công ty có đơn xin giao đất và Tờ trình số 675/ĐOBT ngày 18/9/2013 về việc xin giao đất đợt 1 khu quy hoạch nhà ở BĐ, Phường W, quận B với diện tích 44.262,20m<sup>2</sup> gửi cho các cơ quan có thẩm quyền của quận B và Thành phố H; phía quận B cũng có Quyết định số 6513/QĐ-UBND-QLĐT ngày 10/7/2013 về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch nhà ở BĐ, Phường W, quận B. Các tài liệu, chứng cứ trên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm làm rõ việc điều chỉnh dự án của phía Công ty có được chấp thuận và thực hiện trên thực tế không? phía Công ty đã được cấp dự án cho diện tích bao nhiêu; và sau khi điều chỉnh thì phần 731,3m<sup>2</sup> (nhà đất hiện bà N đang sử dụng) có nằm trong phần diện tích Công ty được phê duyệt điều chỉnh dự án không?

Trong khi chưa xem xét, đánh giá những tài liệu, chứng cứ như phân tích trên cũng như Tòa án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm không đưa UBND quận B tham gia tố tụng và xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B là chưa đủ căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 15/2024/KN-DS ngày 16/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 204/2020/DS-PT ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ

thẩm số 1778/2019/DS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên Đ với bị đơn là bà Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND Thành phố H;
- TAND quận B, TP. H;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: Phòng GDKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

**TM.ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Xuân**